TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1034/2024/DS-PT
Ngày 16-12-2024.
V/v *"Tranh chấp di sản thừa kế nhà, đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; y/c hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 và 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 655/2024/TLPT-DS ngày 02/10/2024 về *"Tranh chấp di sản thừa kế nhà, đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3360/2024/QĐPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/ Ông Đặng Văn C, sinh năm 1936; địa chỉ: Tổ I, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt)

2/ Ông Đặng Văn B, sinh năm 1946; địa chỉ: Tổ B, ấp S, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3/ Bà Đặng Thị C1, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ I, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Bình A, sinh năm 1975; địa chỉ: Khóm A, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1/ Ông Đặng Văn L, sinh năm 1977. (vắng mặt)

2/ Bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1974. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp H, xã H, huyên P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1983, địa chỉ: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, (có mặt); ông Nguyễn Thúc T, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Lê Thị Oanh T1, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Lê Thị Huyền T2, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

3/ Lê Thị Thúy A1, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

4/ Lê Vũ Minh V, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

5/ Đặng Thị Kim C2, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

6/ Đặng Vũ L1, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

7/ Đặng Khang D, sinh năm 2012.

Người đại diện theo pháp luật của Đặng Khang D: Bà Trương Thị Kim P, là mẹ ruột. (có mặt)

8/ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ: A đường T, ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Văn L, bà Trương Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn và người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất của cha mẹ (cụ Đặng Văn T3, chết 2002 và cụ Trần Thị C3, chết 2000) để lại. Cụ T3, cụ C3 có 04 người con chung, gồm: Đặng Văn C, Đặng Văn B, Đặng Thị C1 và Đặng Thị S (chết năm 2018, có chồng là Lê Văn B1, đã chết, và 04 người con chung là Lê Thị Oanh T4, Lê Thị Huyền T2, Lê Thị Thúy A1, Lê Vũ Minh D1, đều đã thành niên).

Cụ T3, cụ C3 để lại tài sản, gồm: Đất ở và đất vườn tạp tổng diện tích 780,7m^2, trên đất có căn nhà phủ thờ, khu mồ mã chôn cất ông bà, cha mẹ. Sau khi cụ C3 chết, ông Đặng Văn L (con của ông C) qua lại chăm sóc cụ T3, sau đó, ông L lập gia đình nên ở tại phủ thờ cho đến nay.

Quá trình sử dụng đất, Bị đơn đã tự ý kê khai và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt

là Giấy chứng nhận) số vào sổ H0304IC ngày 16/11/2017 cho ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P2, với diện tích 780,7m^2, gồm đất ở nông thôn và cây lâu năm, thửa đất số 195, tờ bản đồ số 13. Việc Bị đơn được cấp Giấy chứng nhận, Nguyên đơn không hay biết nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Những năm gần đây, vợ chồng ông L, bà P2 thường ngăn cản ông, bà và cha ruột vào nhà của cụ T3, cụ C3 để cúng kiếng khi đám giỗ. Chúng tôi không đồng ý nên yêu cầu tuyên bố Tờ chúc ngôn mà ông Đặng Văn T3 lập ngày 15/01/1992 vô hiệu; hủy Giấy chứng nhận số H0304IC ngày 16/11/2007 do UBND huyện P cấp cho ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P2; buộc vợ chồng ông L, bà P2 có nghĩa vụ giao trả lại toàn bộ di sản thừa kế mà ông T3, bà C3 để lại, trả cho Nguyên đơn: 01 căn nhà sàn, khung gỗ, lợp tole có diện tích 5m x 15m = 75m^2 cùng diện tích đất gắn liền với nhà có diện tích 780,7m^2, trong đó có khu đất mồ mã chôn cất ông bà, cha mẹ.

Bị đơn là ông Đặng Văn L và bà Trương Thị Kim P trình bày:

Ông bà thống nhất về nguồn gốc đất là của cụ T3, cụ C3 như các nguyên đơn trình bày. Ông L đã ở với các cụ T3, cụ C3 từ lúc nhỏ cho đến khi cưới vợ thì đưa vợ về ở cùng với các cụ cho đến khi các cụ chết. Ông L được cụ T3 lập tờ chúc ngôn tặng cho quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp vào năm 1992, có Ban ấp chứng kiến và ký xác nhận. Trong tờ chúc ngôn này có sự thống nhất và ký tên của các con cụ T3 (gồm: ông C, bà S, ông B, bà C1).

Diện tích đất khi ông bà canh tác là đất hầm trũng, trong quá trình sử dụng đã sửa chữa căn nhà và bồi đắp đất nên diện tích đất mới được bằng phẳng và làm đất vườn trồng cây trái như hiện tại. Căn cứ vào tờ chúc ngôn nêu trên, ông L được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất tranh chấp nên Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên là chị Lê Thị Oanh T1, chị Lê Thị Huyền T2, chị Lê Thị Thúy A1 và anh Lê Vũ Minh V cùng trình bày:

Các anh chị là con ruột bà Đặng Thị S. Các anh chị thống nhất theo lời trình bày của Nguyên đơn. Phần hưởng của mẹ các anh chị thì các anh chị đồng ý giao toàn bộ Nguyên đơn quyết định.

Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có ý kiến tại Văn bản số 900/UBND-TNMT ngày 13/4/2023:

Thực hiện chủ trương đo đạc cấp đại trà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư và cây lâu năm trên địa bàn xã H, huyện P, ông Đặng Văn L và bà Trương Thị Kim P lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận phần đất diện tích 780,7m^2, thuộc thửa đất số 195, tờ bản đồ số 13, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm và được UBND huyện P cấp GCN.QSDĐ số vào sổ H0304IC, diện tích 780,7m^2, thuộc thửa đất số 195, tờ bản đồ số 13, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm ngày 20/12/2005.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị Chen .

Không công nhận Tờ chúc ngôn ông Đặng Văn T3 lập ngày 15/01/1992 có hiệu lực.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03041C cấp ngày 16/01/2007 do UBND huyện P cấp cho ông Đặng Văn L, bà Trương Thị Kim P, có diện tích 780,7m^2, thuộc thửa đất số 195, tờ bản đồ số 13, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Buộc ông Đặng Văn L, bà Trương Thị Kim P cùng các thành viên trong gia đình (con) Đặng Thị Kim C2, Đặng Vũ L1, Đặng Khang D có trách nhiệm liên đới phải di dời toàn bộ đồ đạc ra khỏi nhà để giao trả tài sản là 01 căn nhà ở (móng nóng đá; khung cột gỗ; nền lót ván; vách gỗ; mái lợp tôn; các thiết bị điện, nước, nhà vệ sinh đầy đủ), gắn liền với đất; đất ở và đất cây lâu năm có diện tích thực tế 671m^2; theo các điểm 6, 7, 8, 9, 20, 21, 22 diện tích 224,9m^2 và các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11 có diện tích 524,5m^2; trừ diện tích nguyên đơn tự nguyện cho bị đơn diện tích 78,4m^2, trong diện tích 524,5m^2 tại các điểm 3, 25, 26, 27, 4 (theo sơ đồ hiện trạng khu đất, do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh P3 lập ngày 11/4/2024) cho ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị C1 và các cháu Lê Thị O Thì, Lê Thị Huyền T2, Lê Thị Thúy A1, Lê Vũ Minh V; theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P4 vẽ ngày 11/4/2014.

Công nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị C1 cho bị đơn ông Đặng Văn L, bà Trương Thị Kim P 01 diện tích đất ở 78,4m^2 tại các điểm 3, 25, 26, 27, 4 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P4 vẽ ngày 11/4/2014 và hỗ trợ số tiền di dời 30.000.000 đồng.

Ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị C1 có nghĩa vụ bồi hoàn cho ông Đặng Văn L, bà Trương Thị Kim P giá trị 18 cây dừa số tiền 17.550.000 đồng. (do các nguyên đơn bồi thường giá trị 18 cây dừa cho bị đơn, nên công nhận các cây dừa này thuộc sở hữu của các đồng nguyên đơn).

Ông Đặng Văn L, bà Trương Thị Kim P cùng các thành viên trong gia đình Đặng Thị Kim C2, Đặng Vũ L1, Đặng Khang D, được lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận cho các nguyên đơn ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị C1 và các cháu (con bà S, ông B1) ông Lê Thị Oanh T1, Lê Thị Huyền T2, Lê Thị Thúy A1, Lê Vũ Minh V, được trọn quyền sở hữu 01 căn nhà ở (móng nóng đá; khung cột gỗ; nền lót ván; vách gỗ; mái lợp tôn; các thiết bị điện, nước, nhà vệ sinh đầy đủ) và quyền sử dụng đất diện tích thực tế 671m^2 , tọa lạc xã H, huyện P, tỉnh An Giang; theo sơ đồ hiện trạng khu đất nói trên.

Các nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền thi hành án, chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/5/2024, bị đơn là ông Đặng Văn L và bà Trương Thị Kim P kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại do bỏ sót người tham gia tố tụng và giải quyết nội dung vụ án không triệt để, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ các nội dung vụ án như: Chưa định giá phần diện tích nhà làm thêm, chi phí bơm cát san lấp mặt bằng đất, số tiền bồi thường do thu hồi đất,... Những thiếu sót này không thể bổ sung tại cấp phúc thẩm được nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn là vợ chồng ông Đặng Văn L và bà Trương Thị Kim P làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn yêu cầu Tòa án đưa những người đang sinh sống tại nhà đất tranh chấp và người cho Bị đơn vay tiền là bà Trương Thị Diễm C4 (người đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất tranh chấp) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án. Tuy nhiên, tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn không liên quan đến quyền lợi hoặc nghĩa vụ của những người sinh sống tại nhà đất tranh chấp; quan hệ vay tiền giữa bà C4 với Bị đơn (nếu có) không liên đến việc giải quyết vụ án. Trường hợp bà C4 đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, thấy rằng: Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp là của cụ Đặng Văn T3 (chết 2002) và cụ Trần Thị C3 (chết 2000) để lại. Sau khi cụ T3 và cụ C3 chết, ông Đặng Văn L (cháu nội của cụ T3, cụ C3) và bà Trương Thị Kim P thực hiện kê khai, đăng ký nên được cấp Giấy chứng nhận vào ngày 16/11/2007 đối với thửa số 195, tờ bản đồ số 13, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, diện tích 780,7m^2. Nguyên đơn (gồm các con của cụ T3, cụ C3: ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị C1) cho rằng, Bị đơn là người sinh sống cùng cụ T3, cụ C3, sau khi hai cụ chết, đã tự ý đăng ký, kê khai và được cấp quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu Bị đơn trả lại nhà đất nêu trên. Còn theo Bị đơn, thì quá trình chung sống với cụ T3, ông bà được cụ T3

lập Tờ chúc ngôn ngày 15/01/1992 tặng cho nhà đất nêu trên; trên cơ sở đó, ông bà đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, Tờ chúc ngôn đề ngày 15/01/1992 do ông L cung cấp, gồm 02 mặt giấy viết tay. Mặt trước thể hiện nội dung cụ T3 phân chia tài sản cho các con (ông C, ông B, bà S và bà C1); bên dưới có ghi họ tên và chữ ký của cụ T3 và 04 người con nêu trên. Mặt sau, thể hiện nội dung để lại thừa kế quyền sử dụng đất cho ông L, không có chữ ký của người lập di chúc mà chỉ có 02 lời chứng (và chữ ký) ngày 17/01/1992 của đại diện Tổ An ninh nhân dân số 7. Theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 (văn bản có hiệu lực tại thời điểm lập di chúc), thì *"Di chúc viết không có chứng thực, xác nhận quy định tại các Điều 14, 15, 16 của Pháp lệnh này chỉ được coi là di chúc hợp pháp, nếu đúng là do người để lại di sản tự nguyện lập trong khi minh mẫn, không bị lừa dối và không trái quy định của pháp luật"*. Nguyên đơn không thừa nhận Tờ chúc ngôn nêu trên do cụ Thiên lập. Bị đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của cụ T3, nhưng không cung cấp tài liệu mẫu so sánh để thực hiện giám định theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn thay đổi lời khai rằng, Tờ chúc ngôn do ông Lê Hoa X (nguyên Tổ trưởng Tổ 7, ấp H, xã H) viết hộ cho cụ T3. Còn ông X trình bày, ông viết lại trên cơ sở Tờ chúc ngôn do cụ T3 viết sẵn. Lời khai của Bị đơn trước sau không thống nhất nên về hình thức, không đủ cơ sở xác định cụ T3 tự lập (viết) hay nhờ người khác lập Tờ chúc ngôn.

[5] Xét về nội dung Tờ chúc ngôn, thấy rằng, thời điểm được xác định tại Tờ chúc ngôn (ngày 15/01/1992), cụ C3 còn sống nhưng không thể hiện ý chí của cụ C3 về việc định đoạt tài sản chung của vợ chồng (không có chữ ký của cụ C3). Mặt sau Tờ chúc ngôn có nội dung để thừa kế quyền sử dụng đất cho ông L, nhưng không có chữ ký của người lập di chúc. Mặt khác, lời chứng của đại diện Ban A2 trong Tờ chúc ngôn không thể hiện cụ T3 viết (hay nhờ người viết hộ) và ký tên trước mặt người chứng hoặc do chính cụ T3 mang đến nhờ chứng vì thời điểm chứng thực là ngày 17/01/1992, sau thời điểm lập Tờ chúc ngôn 02 ngày. Như vậy, xét về nội dung và hình thức, thì Tờ chúc ngôn nêu trên không đúng quy định của pháp luật về thừa kế tại thời điểm lập.

[6] Ông L và bà P căn cứ vào Tờ chúc ngôn đề ngày 15/01/1992 để đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất tranh chấp là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận cấp cho ông L, bà P đối với thửa đất số 195, trả lại tài sản thuộc quyền thừa kế của Nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[7] Tại phiên toà phúc thẩm, qua tranh tụng tại phiên tòa, cả Nguyên đơn và Bị đơn đều thừa nhận, trong quá trình sinh sống tại nhà đất tranh chấp, Bị đơn có xây dựng thêm và sửa chữa lại căn nhà thờ, bơm cát san lấp phần đất trũng cho bằng phẳng như ngày nay, đồng thời có nhận tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng các bên không thoả thuận được các khoản chi phí và số tiền nhận bồi thường về đất. Mặt khác, Bị đơn sinh sống với cụ T3, cụ C3 từ lúc nhỏ cho đến khi trưởng thành và lập gia đình, có công lao trong việc bảo quản, tôn tạo, giữ gìn và làm tăng giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp khi đã làm thủ tục đăng ký, kê khai

và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến phần công sức của Bị đơn theo tinh thần Án lệ số 05/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn. Ngoài ra, Bị đơn còn khai đã có công trong việc phụng dưỡng ông bà nội của mình và đã bỏ tiền ra lo mai táng cho cụ C3, cụ T3, nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ để xác định có hay không khoản chi phí này trước khi buộc Bị đơn trả lại di sản thừa kế cho Nguyên đơn.

[8] Những thiếu sót nêu trên của Toà án cấp sơ thẩm, không thể bổ sung được ở cấp phúc thẩm. Do đó, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại là có cơ sở để chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên Bị đơn không phải chịu án phúc phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Đặng Văn L và bà Trương Thị Kim P. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Đặng Văn L và bà Trương Thị Kim P không phải chịu án phí phúc thẩm. H lại cho ông L và bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng theo Biên lai số 0000292 ngày 15/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, NTK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn